

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HS-ST
Ngày 15 tháng 11 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Quốc Chinh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng

Bà Nguyễn Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Hương – Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 52/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Tô Văn Th, sinh năm: 2000, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký HKTT: Thôn 6, xã H, huyện L, tỉnh Đắk Nông; Chỗ ở: không ổn định; Nghề nghiệp: không ổn định; Trình độ văn hóa: 01/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Con ông Tô Văn C (đã chết) và bà Đàm Thị L – SN: 1979; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày 12/7/2019 (Bị cáo có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phùng Văn H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Bị hại:

1. Anh Hoàng Văn T – SN: 1980

Địa chỉ: Thôn 15, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

2. Chị Nông Thị C1 – SN: 1977

Địa chỉ: Thôn 4b, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đặng Văn Tuấn S – SN: 05/01/2005

- Người đại diện hợp pháp cho anh Đặng Văn Tuấn S: Bà H Ngồi S1 - SN: 1985 là mẹ ruột anh Đặng Văn Tuấn S

Cùng trú tại: Buôn B1, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Đều Vắng mặt).

2. Anh Lý Văn C2 - SN: 29/7/2004
- *Người đại diện hợp pháp cho anh Lý Văn C2*: Bà Sùng Thị P - SN: 1963 là mẹ ruột anh Lý Văn C2
Cùng trú tại: Tiểu khu 249, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Đều Vắng mặt).

3. Anh Y Kết K – SN: 25/02/2007
- *Người đại diện hợp pháp cho anh Y Kết K*: Bà H Uêc K1 - SN: 1988 là mẹ ruột anh Y Kết K
Cùng trú tại: Buôn Ea P, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông (Đều vắng mặt).

4. Ông Mai Minh Tr – SN: 1962
Địa chỉ: Thôn 7, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).
- *Người làm chứng*:
1. Anh Hoàng A N – SN: 1982
Địa chỉ: Thôn 15, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).
2. Chị Hoàng Thị S2 – SN: 2001
Địa chỉ: Thôn 15, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).
- *Người phiên dịch cho anh Đặng Văn Tuấn S, bà H Nguôi S1, anh Y Kết K, bà H Uêc K1*: Ông Y Khăm T – SN: 1991
Địa chỉ: Số 42 Đinh Tiên H, Buôn A1, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).
- *Người phiên dịch cho anh Lý Văn C2, bà Sùng Thị P*: Ông Lý Văn Ph – SN: 1990
Địa chỉ: Thôn 14, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 25/6/2019, sau khi cùng chơi tại quán Nét ở thị trấn E Đặng Văn Tuấn S rủ Tô Văn Th, Lý Văn C2 đi trộm cắp xe máy. Đến khoảng 22 giờ, cả 03 đi trên một xe máy Dream màu đen, không có biển kiểm soát do Tô Văn Th điều khiển đi từ thị trấn E vào xã C. Khi đến thôn 4b, xã C phát hiện một chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại Wave màu đen, đỏ, biển kiểm soát 47P1-085.16 của gia đình chị Nông Thị C1 để ở ngoài sân, không có người trông coi. Đặng Văn Tuấn S và Tô Văn Th đứng ngoài đường canh giới, Lý Văn C2 vào trong đất ra ngoài đường, đến chỗ Tuấn S và Th đứng chờ, rồi tiếp tục dắt đi khoảng 200m - 300m thì rẽ vào một vườn cao su bên đường. Tại đây, Tuấn S định rút dây điện ổ khóa để khởi động xe, nhưng Tô Văn Th phát hiện có chìa khóa xe cắm ở ổ khóa mở yên xe nên Tuấn S lấy chìa khóa cắm vào ổ khóa điện và đạp nổ xe máy. Các đối tượng chạy chiếc xe máy trộm cắp về khu vực bụi rậm phía sau Bệnh viện Đa khoa huyện E cất giấu. Ngày 27/6/2019 Tuấn S và Th đến quán sửa xe máy của ông Mai Minh Tr hỏi có mua xe máy không thì ông Tr nói đem

xe lên xem thế nào. Ngày 28/6/2019, Tuấn S và Th mang xe máy trộm cắp đến, tại đây, Tuấn S nói ông Tr chiếc xe máy của gia đình mình, ông Tr yêu cầu phải có giấy tờ xe và giấy chứng minh nhân dân nên Tuấn S đã lấy giấy đăng ký xe của chị Nông Thị C1 (Đẻ ở trong cốp xe máy) và lấy giấy chứng minh nhân dân của Tô Văn Th ra theo yêu cầu. Lúc này, ông Tr đồng ý mua chiếc xe máy nói trên với giá 4.000.000 đồng. Ông Tr bảo vợ là Châu Thị N viết giấy tờ mua bán xe, người đứng tên trong giấy bán xe là Tô Văn Th. Số tiền bán xe được Tuấn S chia cho Th 1.600.000 đồng, C2 700.000 đồng, còn Tuấn S giữ lại 1.700.000 đồng. Đối với số tiền được chia, Tô Văn Th dùng để mua 01 chiếc điện thoại hết 1.250.000 đồng, còn lại tiêu xài cá nhân hết. Đặng Văn Tuấn S và Lý Văn C2 cũng sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tiếp đó, vào đêm ngày 03, rạng ngày 04/7/2019, Đặng Văn Tuấn S rủ Tô Văn Th, Lý Văn C2 và Y Kết K tiếp tục đi trộm cắp xe máy thì cả nhóm đồng ý. Tuấn S điều khiển một xe máy không rõ nhãn hiệu, không có biển kiểm soát chờ Lý Văn C2, Tô Văn Th điều khiển xe máy Dream, không có biển kiểm soát chờ Y K. Các đối tượng vào khu vực làng Mông, xã C để tìm xe máy trộm cắp, khi đến nhà anh Hoàng Văn T và nhà anh Hoàng Văn D, phát hiện có 02 chiếc xe máy để gần nhau gồm: 01 chiếc xe nhãn hiệu HONDA, loại Wave màu trắng xanh, biển kiểm soát 48D1-118.25 và 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại Wave RS, màu đen, anh T để nhờ tại sân nhà anh Hoàng Văn D. Lúc này, Th và C2 xuống xe đi vào sân nhà anh D, còn Tuấn S và Y K thì điều khiển xe máy ra cách đó một đoạn để cảnh giới. Lý Văn C2 trực tiếp lấy trộm chiếc xe máy biển kiểm soát 48D1-118.25. Tô Văn Th trực tiếp lấy trộm chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại Wave RS, màu đen, không rõ biển kiểm soát, không rõ số máy, số khung. Th và C2 dắt 02 chiếc xe trộm cắp được ra chỗ Tuấn S và Y K đứng chờ. Sau đó, Tuấn S điều khiển xe máy của mình, rồi dùng chân đẩy phía sau chiếc xe máy C2 trộm cắp do C2 điều khiển. Th đẩy bộ chiếc xe máy do mình trộm cắp. Các đối tượng đem 02 chiếc xe máy đến một cống nước trên đường từ thôn 15, xã C về xã E. Tại đây, Tuấn S dùng tay bẻ các mảnh nhựa yếm chắn bùn của cả hai chiếc xe máy và ném vào ven đường. Sau đó, Tuấn S rút dây điện ổ khóa và đầu nối làm nổ máy. Các đối tượng đem 02 chiếc xe máy trộm cắp được về khu vực sau Bệnh viện Đa khoa huyện E cất giấu. Hai chiếc xe này, các đối tượng chưa kịp đem đi tiêu thụ thì bị lực lượng Công an phát hiện.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp đã thu giữ:

- 01 Xe máy nhãn hiệu HONDA, loại Wave màu đen, đỏ, biển kiểm soát 47P1-085.16, số máy JC52E1226133, số khung RLHJC5269DY071117; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 00582B, mang tên chủ xe Nông Thị C1;

- 01 Chiếc xe nhãn hiệu HONDA, loại Wave màu trắng xanh, biển kiểm soát 48D1-118.25;

- 01 mảnh nhựa phần trước xe máy màu trắng xanh, có chữ "HONDA RSX"; 01 mảnh nhựa phần yếm bên phải màu trắng xanh có chữ "RSX", số "110", đã bị bẻ; 01 mảnh nhựa phần yếm bên trái màu trắng xanh có chữ "RSX",

số "110", đã bị bể; 01 mảnh nhựa màu trắng xanh, đã bị bể, có chữ "HONDA"; 01 mảnh nhựa màu trắng, kích thước dài 20cm; 01 mảnh nhựa màu đen, có tem màu xanh vàng, phần yếm bên phải xe máy, phía trong có chữ "NDA";

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 28 ngày 12/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện E, xác định:

- 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, loại Wave màu đen, đỏ, biển kiểm soát 47P1-085.16, có trị giá 6.875.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 35 ngày 06/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện E, xác định giá trị của:

- 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, loại Wave RSX, màu xanh, đen, trắng, biển kiểm soát 48D1-118.25. Xe đăng ký lần đầu vào ngày 22/01/2014. Được mua lại vào tháng 2/2019, có trị giá 4.275.000 đồng;

- 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, loại Wave RS, màu đen, không rõ biển kiểm soát, không rõ số máy, số khung, không có giấy chứng nhận đăng ký xe vì để trong cốp của chiếc xe bị trộm cắp, không thu hồi được. Được mua lại vào năm 2015, có trị giá 6.000.000 đồng.

Ngày 12/9/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47P1-085.16, nhãn hiệu HONDA, loại Wave màu đen, đỏ, số máy JC52E1226133, số khung RLHJC5269DY071117, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 00582B, mang tên chủ xe Nông Thị C1 cho chủ sở hữu chị Nông Thị C1. Trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại Wave RSX, màu xanh, đen, trắng, biển kiểm soát 48D1-118.25 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Hoàng Văn T.

Cáo trạng số: 49/CT- VKS ngày 02/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp truy tố bị cáo Tô Văn Th về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra.

Người bị hại chị Nông Thị C1 và anh Hoàng Văn T đã được nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất cứ khoản tiền gì, về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Minh Tr yêu cầu bị cáo và Đặng Văn Tuấn S trả lại số tiền 4.000.000 đồng ông đã đưa để mua chiếc xe, ông không biết đó là tài sản do các đối tượng trộm cắp mà có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Tô Văn Th như nội dung bản cáo trạng và đưa ra các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo:

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Tô Văn Th phạm tội "*Trộm cắp tài sản*";

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tô Văn Th từ 12 (Mười hai) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng tù.

Về vật chứng: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số: 31 ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp về việc trả tài sản là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47P1 - 085.16, nhãn hiệu HONDA, loại Wave màu đen, đỏ, số máy JC52E1226133, số khung RLHJC5269DY071117, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 00582B, mang tên chủ xe Nông Thị C1 cho chủ sở hữu chị Nông Thị C1. Trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại Wave RSX, màu xanh, đen, trắng, biển kiểm soát 48D1-118.25 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Hoàng Văn T.

Về trách nhiệm dân sự: 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự.

Tuyên buộc bị cáo Tô Văn Th, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Văn C2, anh Đặng Văn Tuấn S phải liên đới bồi thường cho ông Mai Minh Tr số tiền 4.000.000 đồng.

Đối với người bị hại chị Nông Thị C1 và anh Hoàng Văn T không yêu cầu bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải bồi thường bất cứ khoản tiền gì nên không đặt ra để giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Phùng Văn H người bào chữa cho bị cáo trình bày, nhất trí với tội danh, điều luật áp dụng mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Về hình phạt Viện kiểm sát đề nghị từ 12 (Mười hai) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng tù là hơi nghiêm khắc so với hành vi của bị cáo, bởi bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như: Thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản phạm tội không lớn, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, học vấn thấp, là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc cho bị cáo mức án thấp nhất tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử phân hóa, định mức cho bị cáo và Đặng Văn Tuấn S, Lý Văn C2.

Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không còn ý kiến đối đáp tranh luận gì, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra,

truy tố đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của thủ tục tố tụng về thu thập tài liệu chứng cứ của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp không ai có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Tại phiên tòa người bị hại anh Hoàng Văn T, chị Nông Thị C1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn Tuấn S, anh Lý Văn C2, ông Mai Minh Tr, người đại diện hợp pháp của anh Tuấn S, anh C2 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xử vắng mặt.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Tô Văn Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, khi được Đặng Văn Tuấn S rủ đi trộm cắp tài sản bị cáo đã đồng ý, đêm ngày 25/6/2019 Th cùng Đặng Văn Tuấn S, Lý Văn C2 thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản tại thôn 4b, xã C, gồm 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 47P1-085.16 của gia đình chị Nông Thị C1 trị giá 6.875.000 đồng. Đêm ngày 03, rạng ngày 04/7/2019 Th cùng Đặng Văn Tuấn S, Lý Văn C2, Y Kết K thực hiện 01 vụ trộm cắp tại làng M, xã C gồm 02 chiếc xe máy, 01 chiếc có biển kiểm soát 48D1-118.25 trị giá 4.275.000 đồng, 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, loại Wave RS, màu đen, không rõ biển kiểm soát, không rõ số máy, số khung, không có giấy chứng nhận đăng ký xe vì để trong cốp của chiếc xe bị trộm cắp, không thu hồi được. Được mua lại vào năm 2015, trị giá: 6.000.000 đồng của gia đình anh Hoàng Văn T, tổng trị giá 02 xe máy là 10.275.000 đồng, tổng trị giá tài sản trộm cắp là 17.150.000 đồng, số tiền bán xe biển kiểm soát 47P1-085.16, bị cáo cùng các đối tượng chia nhau Th 1.600.000 đồng, C2 700.000 đồng, Tuấn S 1.700.000 đồng, các đối tượng dùng tiêu xài cá nhân hết. Đối với 02 chiếc xe máy trộm cắp nhà anh Hoàng Văn T các đối tượng chưa kịp tiêu thụ thì bị Công an phát hiện.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và những chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp về tội danh truy tố, mức hình phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với pháp luật.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Tô Văn Th đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nó không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an

tại địa phương, bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi để nhận thức được việc tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị nghiêm trị, nhưng xuất phát từ động cơ chơi bời, muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động, coi thường pháp luật nên đêm ngày 25/6/2019 và đêm ngày 03, rạng ngày 04/7/2019 Tô Văn Th đã cùng các đối tượng Đặng Văn Tuấn S, Lý Văn C2 và Y Kết K thực hiện hành vi trộm cắp 03 chiếc xe máy gồm: 01 chiếc xe của chị Nông Thị C1 và 02 chiếc xe của gia đình anh Hoàng Văn T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Tổng trị giá tài sản trộm cắp có trị giá 17.150.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải xử phạt bị cáo với mức án đủ nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có đủ điều kiện cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[3] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản 01 chiếc xe của chị Nông Thị C1 trị giá 6.875.000 đồng và 02 chiếc xe của gia đình anh Hoàng Văn T trị giá 10.275.000 đồng, mỗi lần phạm tội đều đủ định lượng cấu thành tội trộm cắp tài sản nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội gây thiệt hại không lớn, một phần tài sản đã được thu hồi và trả cho chủ sở hữu, bị cáo là người dân tộc thiểu số, học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, cũng thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

[5] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, Đặng Văn Tuấn S là người khởi xướng và tham gia thực hiện các vụ trộm cắp tài sản nói trên, Lý Văn C2, Y Kết K là người tham gia trộm cắp tài sản. Tuy nhiên thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp các đối tượng chưa đủ 16 tuổi, nên không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm ít nghiêm trọng vì vậy đề nghị Công an huyện E xử lý Tuấn S, C2, Y K theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Mai Minh Tr, là người mua chiếc xe máy do Tô Văn Th, Đặng Văn Tuấn S và Lý Văn C2 trộm cắp mà có. Tuy nhiên, do ông Tr không biết nguồn gốc chiếc xe máy là do trộm cắp mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là phù hợp.

Xét đề nghị của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, và miễn án phí cho bị cáo vì bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo là người thực hành và là người tham gia trộm cắp tích cực nhất, chỉ trong một thời gian ngắn bị cáo đã liên tiếp thực hiện hai vụ trộm cắp, gây mất an ninh khu vực, bị cáo bỏ nhà đi sống lang thang một thời gian dài, không có nơi cư trú ổn định nên không có cơ sở chấp nhận đề nghị trên của người bào chữa.

[6] Các biện pháp tư pháp:

Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Đối với 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47P1-085.16, nhãn hiệu HONDA, loại Wave màu đen, đỏ, số máy JC52E1226133, số khung RLHJC5269DY071117, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 00582B, mang tên chủ xe Nông Thị C1. 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại Wave RSX, màu xanh, đen, trắng, biển kiểm soát 48D1-118.25 chủ sở hữu hợp pháp là anh Hoàng Văn T là tài sản bị cáo đã trộm cắp. Ngày 12/9/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản trên cho chị C1, anh T là phù hợp cần chấp nhận.

Đối với 01 mảnh nhựa phần trước xe máy màu trắng xanh, có chữ "HONDA RSX"; 01 mảnh nhựa phần yếm bên phải màu trắng xanh có chữ "RSX", số "110", đã bị bể; 01 mảnh nhựa phần yếm bên trái màu trắng xanh có chữ "RSX", số "110", đã bị bể; 01 mảnh nhựa màu trắng xanh, đã bị bể, có chữ "HONDA"; 01 mảnh nhựa màu trắng, kích thước dài 20cm; 01 mảnh nhựa màu đen, có tem màu xanh vàng, phần yếm bên phải xe máy, phía trong có chữ "NDA" là vật chứng các đối tượng đã trộm cắp tuy nhiên vật chứng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại Wave RS, màu đen, không rõ biển kiểm soát, không rõ số máy, số khung, không có giấy chứng nhận đăng ký, vì giấy tờ xe để trong cốp xe. Chiếc xe trên không thu giữ được vì sau khi các đối tượng giấu xe ở khu vực sau Bệnh viện Đa khoa huyện E thì đã bị người khác trộm cắp hiện vẫn chưa xác định được ai là người trộm cắp chiếc xe trên nên Hội đồng xét xử không xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự;

Người bị hại chị Nông Thị C1, anh Hoàng Văn T không yêu cầu bị cáo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải bồi thường, hoàn trả bất cứ khoản tiền gì nên không đặt ra đề giải quyết.

Đối với số tiền 4.000.000 đồng ông Mai Minh Tr mua xe và không biết xe do các đối tượng trộm cắp nên cần buộc bị cáo Tô Văn Th, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn Tuấn S, anh Lý Văn C2 phải liên đới bồi thường cho ông Tr, trong đó Tô Văn Th 1.600.000 đồng, anh Đặng Văn Tuấn S 1.700.000 đồng, anh Lý Văn C2 700.000 đồng.

Do thời điểm phạm tội đến ngày xét xử anh Đặng Văn Tuấn S, anh Lý Văn C2 dưới 18 tuổi, không có tài sản riêng nên buộc bà H Nguôi S1 là mẹ ruột của anh Tuấn S, bà Sùng Thị P là mẹ ruột của anh C2 phải trả số tiền trên cho ông Tr là phù hợp.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Bị cáo Tô Văn Th phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm, anh Đặng Văn Tuấn S, anh Lý Văn C2 chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Tô Văn Th phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Tô Văn Th 01 (Một) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày bắt tạm giữ ngày 12/7/2019.

Các biện pháp tư pháp:

Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số: 31 ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp về việc trao trả tài sản là chiếc xe máy biển kiểm soát 47P1-085.16, nhãn hiệu HONDA, loại Wave màu đen, đỏ, số máy JC52E1226133, số khung RLHJC5269DY071117, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 00582B, mang tên chủ xe Nông Thị C1 cho chủ sở hữu chị Nông Thị C1. Trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại Wave RSX, màu xanh, đen, trắng, biển kiểm soát 48D1-118.25 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Hoàng Văn T.

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 mảnh nhựa phần trước xe máy màu trắng xanh, có chữ "HONDA RSX"; 01 mảnh nhựa phần yếm bên phải màu trắng xanh có chữ "RSX", số "110"; 01 mảnh nhựa phần yếm bên trái màu trắng xanh có chữ "RSX", số "110"; 01 mảnh nhựa màu trắng xanh, có chữ "HONDA"; 01 mảnh nhựa màu trắng, kích thước dài 20cm; 01 mảnh nhựa màu đen, có tem màu xanh vàng, phần yếm bên phải xe máy, phía trong có chữ "NDA".

Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Ea Súp và Chi cục thi hành án dân sự huyện E ngày 16 tháng 10 năm 2019.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự;

Tuyên buộc bị cáo Tô Văn Th, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn Tuấn S, anh Lý Văn C2 phải liên đới bồi thường cho ông Mai Minh Tr tổng số tiền 4.000.000 đồng, trong đó Tô Văn Th 1.600.000 đồng, anh Lý Văn C2 700.000 đồng, anh Đặng Văn Tuấn S 1.700.000 đồng.

Buộc bà H Nguôi S1 là mẹ ruột của anh Tuấn S, bà Sùng Thị P là mẹ ruột của anh C2 phải trả số tiền trên cho ông Mai Minh Trung.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Bị cáo Tô Văn Th phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn Tuấn S, anh Lý Văn C2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- THA huyện E;
- Bị cáo, các đương sự ;
- Lưu HS vụ án.

(Đã ký)

Lưu Quốc Chính